| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH N**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC** |
| SỐ:142/2023/QĐST-HNGĐ | *N, ngày 06 tháng 11 năm 2023.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Th.

Bị đơn: anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1 Về việc nuôi con chung:** chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Đ thỏa thuận giao cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Bùi Mạnh H, sinh ngày 29/4/2015; Bùi Đức H2 sinh ngày 06/3/2017 kể từ

tháng 10/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn Đ. Chị Bùi Thị M có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**2.2 Về tài sản, công nợ chung:** chị Bùi Thị M, anh Bùi Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

**2.3 Về án phí:** chị Bùi Thị M nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị M đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0000316, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị Bùi Thị M 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Quốc**